

DOI: 10.62829/VNHN.377.378.71.77

PHÁP LUẬT VỀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO - BƯỚC ĐỘT PHÁ PHÁP LÝ CHO SỰ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CỦA VIỆT NAM

✍ TS. Nguyễn Xuân Toàn

● **TÓM TẮT:** Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ số đang trở thành động lực cốt lõi thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ này cũng đặt ra nhiều thách thức pháp lý, đạo đức và xã hội. Bài viết phân tích vai trò của pháp luật về trí tuệ nhân tạo và công nghệ số trong việc tạo lập hành lang pháp lý cho phát triển khoa học công nghệ tại Việt Nam, đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành, từ đó đề xuất một số định hướng hoàn thiện nhằm tạo bước đột phá pháp lý, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững.

● **Từ khóa:** Trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, pháp luật, đổi mới sáng tạo, Việt Nam.

● **ABSTRACT:** In the context of the Fourth Industrial Revolution, artificial intelligence (AI) and digital technology are becoming core drivers promoting economic growth, innovation, and enhancing national competitiveness. However, the rapid development of these technologies also poses many legal, ethical, and social challenges. The article analyzes the role of law on artificial intelligence and digital technology in establishing a legal corridor for scientific and technological development in Vietnam, evaluates the current state of existing laws, and thereby proposes some orientations for improvement to create a legal breakthrough, contributing to sustainable development.

● **Keywords:** Artificial intelligence, digital technology, law, innovation, Vietnam.

Ngày nhận bài: 06/3/2026 Ngày bình duyệt: 31/3/2026 Ngày duyệt đăng: 07/4/2026

KHÁI NIỆM TRÍ TUỆ NHÂN TẠO:

Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI) là công nghệ cho phép máy móc, đặc biệt là máy tính, “học hỏi” và “suy nghĩ” như con người. Trí tuệ nhân tạo khác với việc lập trình logic trong các ngôn ngữ lập

trình là ở việc ứng dụng các hệ thống học máy (machine learning) để mô phỏng trí tuệ của con người trong các xử lý mà con người làm tốt hơn máy tính.

Cụ thể, trí tuệ nhân tạo giúp máy tính có được những trí tuệ của con người như: biết suy nghĩ và lập luận để giải quyết vấn

đề, biết giao tiếp do hiểu ngôn ngữ, tiếng nói, biết học và tự thích nghi,...

* *Những ưu điểm của AI là:*

- Năng suất vượt trội: Tự động hóa các tác vụ lặp đi lặp lại, giải phóng sức lao động con người. Xử lý thông tin với tốc độ và khối lượng khổng lồ, vượt xa khả năng con người. Hoạt động liên tục 24/7, không cần nghỉ ngơi.

- Độ chính xác cao: Hạn chế tối đa lỗi do con người gây ra. Đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu và thuật toán, ít bị ảnh hưởng bởi cảm xúc. Phân tích dữ liệu phức tạp để đưa ra kết quả chính xác hơn.

- Khả năng sáng tạo: Hỗ trợ con người trong các lĩnh vực sáng tạo như nghệ thuật, âm nhạc, thiết kế. Tìm ra những giải pháp mới, đột phá cho các vấn đề phức tạp.

- Cá nhân hóa trải nghiệm: Cung cấp dịch vụ, sản phẩm được cá nhân hóa dựa trên sở thích và hành vi của người dùng. Nâng cao trải nghiệm của khách hàng trong nhiều lĩnh vực như mua sắm, giải trí, giáo dục.

- Giải quyết bài toán toàn cầu: Ứng dụng trong các lĩnh vực như y tế, môi trường, năng lượng để giải quyết những thách thức toàn cầu. Phân tích dữ liệu lớn để dự đoán và phòng ngừa rủi ro.

* *Những nhược điểm của AI là:*

- Nguy cơ mất việc làm: Tự động hóa có thể thay thế con người trong nhiều lĩnh vực, dẫn đến thất nghiệp. Đòi hỏi người lao động phải thích ứng và nâng cao kỹ năng để đáp ứng nhu cầu mới.

- Phân biệt đối xử: Thuật toán AI có thể bị sai lệch do dữ liệu đầu vào thiếu khách quan hoặc mang định kiến. Gây ra những quyết định không công bằng, ảnh hưởng đến các nhóm người yếu thế.

- Vấn đề về đạo đức: Lo ngại về việc AI vượt khỏi tầm kiểm soát của con người. Sử dụng AI cho mục đích xấu như phát triển vũ khí tự động, thao túng thông tin.

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) Ở VIỆT NAM TRƯỚC KHI LUẬT TRÍ TUỆ NHÂN TẠO 2025 ĐƯỢC BAN HÀNH

1. *Mức độ áp dụng AI trong đời sống và kinh tế*

- *Tương tác người dùng và doanh nghiệp:* Người dân Việt Nam tiếp cận và sử dụng AI rất rộng rãi, theo báo cáo e-Conomy SEA 2025, Việt Nam dẫn đầu Đông Nam Á về mức độ sẵn sàng và tin tưởng với AI. Khoảng 81 % người dùng sử dụng tính năng AI hàng ngày, 83 % tham gia học và nâng cao kỹ năng liên quan tới AI và 96 % sẵn sàng chia sẻ dữ liệu cho các đại lý AI. Số lượng startup AI hơn 40 và tổng vốn đầu tư tăng mạnh.

- *Ứng dụng trong các ngành:*

AI được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực:

+ Trong Chính phủ và dịch vụ công, trợ lý ảo hỗ trợ trả lời, hệ thống giám sát thông minh, nhận dạng khuôn mặt trong an ninh, giám sát giao thông thông minh,...

+ Trong lĩnh vực tài chính, thương mại điện tử, dịch vụ khách hàng: sử dụng AI trong chatbot, phân tích dữ liệu khách hàng, khuyến nghị sản phẩm.

+ Giáo dục và y tế: bắt đầu áp dụng các giải pháp hỗ trợ học tập và hỗ trợ chẩn đoán, dù còn hạn chế.

+ Các dự án hợp tác quốc tế như trung tâm nghiên cứu AI của Qualcomm đặt tại Việt Nam cho thấy cam kết mở rộng R&D trong lĩnh vực này.

2. *Hạ tầng, nhân lực và thách thức*

- *Nhân lực và năng lực công nghệ:* Thiếu nhân lực chất lượng cao là một trong những rào cản chính. Các doanh nghiệp AI tại Việt Nam báo cáo khó khăn trong tuyển dụng kỹ sư, chuyên gia AI. Mặt khác, cơ sở dữ liệu, hạ tầng tính toán và tiêu chuẩn kỹ thuật ở mức phát triển ban đầu nhưng chưa đồng bộ và mạnh như các nước phát triển.

- *Khung pháp lý hiện hành còn bất cập*: Trước khi Luật AI được ban hành, Việt Nam chưa có một luật chuyên biệt cho AI. Các quy định liên quan đến AI thường nằm rải rác trong: Luật Công nghệ số/Digital Technology Industry Law (dự thảo) – có quy định nguyên tắc về AI cùng các công nghệ số khác. Các chính sách chiến lược quốc gia khuyến khích phát triển AI nhưng vẫn thiếu quy tắc điều chỉnh cụ thể các hệ thống AI và trách nhiệm pháp lý khi AI gây hại. Bên cạnh đó, khoảng trống pháp lý dẫn đến rủi ro như tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ với dữ liệu dùng đào tạo mô hình, thiếu tiêu chuẩn bắt buộc về minh bạch và đạo đức trong sử dụng AI.

3. Nhận thức và phản ứng xã hội

Người dùng ở Việt Nam tương tác AI rất tích cực, nhưng nhận thức về rủi ro đạo đức, quyền riêng tư và minh bạch AI còn hạn chế. Các diễn đàn và cộng đồng thảo luận về việc AI thay đổi thị trường lao động, tác động tới nghệ sĩ và quyền tác giả, cho thấy mối quan tâm xã hội về những vấn đề pháp lý và đạo đức còn nhiều tranh luận.

4. Lý do cần ban hành Luật Trí tuệ nhân tạo 2025

Trước khi Luật Trí tuệ nhân tạo được ban hành Việt Nam đang trong giai đoạn: Tăng trưởng nhanh về ứng dụng AI, người dùng rộng khắp và thị trường hấp dẫn cho startup. Nhưng không có khung pháp lý chuyên biệt để điều chỉnh các rủi ro liên quan đến an toàn, đạo đức, minh bạch và bảo vệ quyền lợi người dân, đặc biệt trong các hệ thống AI nguy cơ cao.

Do đó, Luật AI cần được xây dựng và ban hành, nhằm: Quy định phân loại rủi ro AI dựa trên mức độ gây hại; Bắt buộc minh bạch người dùng khi tương tác với AI; Quản lý các hệ thống gây rủi ro cao; Tạo tiêu chuẩn để phát triển AI “có trách nhiệm”.

TỔNG QUAN VỀ LUẬT TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

- *Luật Trí tuệ nhân tạo* (Luật số 134/2025/QH15) được ban hành ngày 10/12/2025; Luật sẽ có hiệu lực từ 1/3/2026. Đây là luật khung, linh hoạt và thích ứng với sự phát triển của công nghệ. Luật quy định một cách có hệ thống, toàn diện các biện pháp nhằm cân bằng giữa quản lý và thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, phát triển, triển khai và ứng dụng trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam. Luật Trí tuệ nhân tạo đặt con người làm trung tâm với nguyên tắc tối cao là trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ con người, không thay thế con người, con người giám sát trí tuệ nhân tạo ở những quyết định trọng yếu; trí tuệ nhân tạo phải minh bạch, trách nhiệm và an toàn. Luật Trí tuệ nhân tạo quản lý hệ thống trí tuệ nhân tạo theo mức độ rủi ro, khuyến khích phát triển trí tuệ nhân tạo trong nước và tự chủ về trí tuệ nhân tạo, lấy trí tuệ nhân tạo làm động lực tăng trưởng nhanh, bền vững và bảo đảm chủ quyền số quốc gia.

- *Nội dung Luật Trí tuệ nhân tạo* kế thừa và bãi bỏ các quy định về trí tuệ nhân tạo tại Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15; bổ sung các “khoảng trống” pháp lý để hoàn thiện pháp luật về trí tuệ nhân tạo. Tham khảo có chọn lọc pháp luật và kinh nghiệm thực tiễn về xu hướng phát triển trí tuệ nhân tạo của một số quốc gia phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam, pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- *Phạm vi điều chỉnh của Luật* là: Áp dụng cho cả tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài phát triển, cung cấp, sử dụng hệ thống AI tại Việt Nam. Đồng thời các hệ thống AI chỉ phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc mã hóa riêng biệt có các quy định chuyên biệt khác.

- *Nguyên tắc cốt lõi của Luật* bao gồm:

+ Đặt Con người là trung tâm (Human-centred) - AI phục vụ con người, không

thay thế thẩm quyền và trách nhiệm của con người; con người duy trì kiểm soát các quyết định quan trọng.

+ Phát triển và kiểm soát cân bằng: Vừa thúc đẩy đổi mới, vừa kiểm soát rủi ro liên quan đến an toàn, đạo đức, dữ liệu và quyền riêng tư.

+ Đảm bảo minh bạch và trách nhiệm: Các tổ chức, nhà phát triển phải chịu trách nhiệm trực tiếp về sản phẩm AI và hậu quả do hệ thống gây ra.

+ Tôn trọng giá trị văn hóa và pháp luật Việt Nam: Thuật toán và nội dung AI phải phù hợp với các giá trị văn hóa, pháp luật và thuần phong mỹ tục Việt Nam.

- *Hệ thống quản lý theo rủi ro của Luật* được áp dụng mô hình quản lý dựa trên mức độ rủi ro của hệ thống AI: digitalpolicyalert.org; *Hệ thống rủi ro cao* phải tuân thủ quy định kiểm soát nghiêm ngặt hơn; *Hệ thống trung bình và thấp* chịu sự giám sát phù hợp tương ứng, ít can thiệp hành chính nhiều hơn.

- *Yêu cầu đối với ứng dụng AI* bao gồm:

+ Minh bạch và đánh dấu nội dung AI – nghĩa là nội dung do AI tạo ra (ảnh, âm thanh, video, văn bản giả...) phải được gắn nhãn rõ ràng, giúp người dùng nhận diện.

+ Về trách nhiệm pháp lý: Nhà cung cấp và triển khai AI chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu AI gây hại.

+ Quy định với tổ chức nước ngoài: Nhà cung cấp AI nước ngoài phải có đại diện pháp lý hoặc địa chỉ dạng đại diện tại Việt Nam, đặc biệt khi cung cấp hệ thống AI rủi ro cao.

- *Các chính sách thúc đẩy phát triển AI:*

Luật không chỉ quản lý mà còn hỗ trợ AI, cụ thể:

+ Quỹ phát triển AI quốc gia và các cơ

chế ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt startup AI.

+ Môi trường thử nghiệm (sandbox) cho phép thí điểm AI trong một số trường hợp nhất định mà không chịu trách nhiệm pháp lý đầy đủ trong giai đoạn thử nghiệm.

+ Khuyến khích tích hợp giáo dục kỹ năng số, đạo đức AI vào giáo dục phổ thông và đào tạo.

- *Mối liên hệ với luật khác và tiêu chuẩn quốc tế:* Luật AI 2025 được thiết kế để điều chỉnh chuyên biệt hơn các luật hiện có về dữ liệu, công nghệ số, quyền riêng tư, đồng thời tham chiếu các chuẩn mực quốc tế về AI (như EU AI Act).

Luật Trí tuệ nhân tạo 2025 ra đời là một bước tiến lớn để Việt Nam không chỉ điều chỉnh và kiểm soát AI một cách hiệu quả, mà còn tham gia sâu hơn vào thị trường công nghệ toàn cầu. Luật định hướng AI phát triển theo hướng nhanh - an toàn - nhân văn, phù hợp chiến lược quốc gia về AI và chuyển đổi số.

VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT TRONG PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Pháp luật về AI và công nghệ số giữ vai trò then chốt trong các khía cạnh sau:

1. Pháp luật tạo lập môi trường pháp lý ổn định, minh bạch cho các chủ thể tham gia nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI. Thông qua các quy định về đầu tư, sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, pháp luật góp phần khuyến khích sáng tạo khoa học công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

2. Kiểm soát rủi ro và bảo vệ quyền con người: AI có khả năng tác động sâu rộng đến quyền riêng tư, quyền bình đẳng và quyền tiếp cận thông tin. Pháp luật đóng vai trò bảo vệ các giá trị nền tảng này, đồng thời yêu cầu tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và đạo đức trong phát triển AI.

3. Pháp luật với vai trò kiểm soát rủi ro công nghệ: AI tiềm ẩn nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư, gây phân biệt đối xử hoặc làm suy giảm trách nhiệm con người trong các quyết định quan trọng. Pháp luật đóng vai trò thiết lập các giới hạn cần thiết, yêu cầu minh bạch thuật toán, trách nhiệm giải trình và bảo vệ quyền con người.

4. Định hướng phát triển bền vững: Thông qua pháp luật, Nhà nước có thể định hướng phát triển AI phục vụ mục tiêu kinh tế – xã hội, an ninh quốc gia và lợi ích cộng đồng, tránh lạm dụng công nghệ vì mục đích tiêu cực; bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa công nghệ và các giá trị xã hội.

PHÁP LUẬT TRÍ TUỆ NHÂN TẠO – BƯỚC ĐỘT PHÁ CHO PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Việc xây dựng một khung pháp luật thống nhất và hiện đại về AI và công nghệ số có thể tạo ra bước đột phá về nhiều phương diện; cụ thể là:

- Thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp công nghệ, đặc biệt là startup AI, phát triển mạnh mẽ.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, giúp Việt Nam chủ động tham gia chuỗi giá trị toàn cầu về công nghệ số.

- Thu hút đầu tư trong và ngoài nước thông qua việc xây dựng một môi trường pháp lý minh bạch, ổn định, tăng niềm tin cho nhà đầu tư công nghệ cao.

- Bảo đảm phát triển có trách nhiệm thông qua việc cân bằng giữa đổi mới sáng tạo và bảo vệ lợi ích xã hội.

So sánh cụ thể giữa Luật Trí tuệ nhân tạo 2025 (có hiệu lực từ 1/3/2026) và các khung pháp lý trước đó liên quan đến AI ở Việt Nam, để thấy rõ những điểm mới, điểm mở rộng và lấp “khoảng trống” pháp lý:

1. Về Phạm vi điều chỉnh:

- *Luật Trí tuệ nhân tạo 2025*: Là luật chuyên biệt đầu tiên ở Việt Nam điều chỉnh toàn diện tất cả hoạt động liên quan đến AI: nghiên cứu, phát triển, cung cấp, triển khai, vận hành và quản lý rủi ro. Quy định nguyên tắc, quyền – nghĩa vụ, cơ chế quản lý nhà nước và xử lý vi phạm riêng cho AI.

- *Khung pháp lý trước đây*: Không có một luật riêng cho AI, mà AI được nhắc đến trong các luật khác như: Luật Công nghệ số / Luật Công nghiệp Công nghệ số 2025, trong đó có quy định nguyên tắc phát triển và kiểm soát công nghệ số, bao gồm AI; Các chính sách, quyết định quản lý như Chiến lược quốc gia về AI tới 2030 và các văn bản liên quan đến dữ liệu, an toàn thông tin. Không có quy định riêng biệt về phân loại AI, mức độ rủi ro, trách nhiệm minh bạch AI hoặc xử lý vi phạm đặc thù AI như trong luật mới.

2. Nguyên tắc và mục tiêu quản lý:

- *Luật AI 2025*: Đặt ra các nguyên tắc cốt lõi bao gồm: “Con người là trung tâm” – AI phục vụ con người, không thay thế quyền và trách nhiệm của con người; Bảo đảm an toàn, minh bạch, khách quan, không định kiến và không phân biệt đối xử; Phải phù hợp với giá trị đạo đức và văn hoá Việt Nam.

- *Khung pháp lý trước đây*: Luật Công nghệ số và các chiến lược chỉ khái quát nguyên tắc phát triển công nghệ mà chưa có định nghĩa cụ thể về trách nhiệm minh bạch, nguyên tắc đạo đức, hoặc cam kết bảo vệ quyền con người liên quan đến sản phẩm AI; Thiếu quy định rõ ràng về nguyên tắc phân loại rủi ro AI dựa trên mức độ gây hại tiềm tàng.

3. Phân loại và quản lý theo mức độ rủi ro:

- *Luật AI 2025*: Phân loại hệ thống AI theo mức rủi ro (low → high → unacceptable) và điều chỉnh yêu cầu tuân

thủ tương ứng (minh bạch, đánh dấu, giám sát, xử lý sự cố); Các hệ thống rủi ro cao phải đáp ứng thêm tiêu chuẩn, tự đánh giá và hậu kiểm.

- *Khung pháp lý trước đây*: Chưa có quy định phân loại rủi ro AI trong pháp luật chung; Các yêu cầu về minh bạch hay đánh dấu sản phẩm AI thường chỉ nằm ở quy định nội bộ của doanh nghiệp hoặc chuẩn quốc tế khuyến nghị, chứ không phải là bắt buộc theo luật.

4. Minh bạch, gắn nhãn AI và thông tin cho người dùng:

- *Luật AI 2025*: Yêu cầu công khai một số thông tin cơ bản, ví dụ: Người dùng phải biết họ đang tương tác với AI (thay vì suy đoán); Nội dung do AI tạo nên (deepfake, hình ảnh, âm thanh, video) phải có gắn nhãn rõ ràng để tránh nhầm lẫn hoặc lừa dối.

- *Khung pháp lý trước đây*: Không có yêu cầu pháp luật rõ ràng về việc gắn nhãn sản phẩm do AI tạo ra hay bắt buộc minh bạch ra sao đối với người dùng.

5. Trách nhiệm pháp lý và xử lý vi phạm:

- *Luật AI 2025*: Xác định trách nhiệm pháp lý cụ thể đối với: Nhà phát triển, nhà cung cấp, người triển khai AI. Quy định xử phạt hành chính nếu không tuân thủ, có thể đến mức xử phạt dựa trên doanh thu năm trước với vi phạm nghiêm trọng. Bảo vệ quyền lợi người sử dụng và yêu cầu bồi thường nếu AI gây thiệt hại.

- *Khung pháp lý trước đây*: Các luật liên quan như Luật Công nghệ số hoặc Luật An toàn thông tin chỉ xử lý vi phạm chung về công nghệ, thiếu điều khoản chuyên biệt cho sai sót trực tiếp từ hệ thống AI (ví dụ: AI gây thiệt hại, phân biệt đối xử, sai sót y tế do AI...).

6. Báo cáo và vai trò quản lý nhà nước:

- *Luật AI 2025*: Quy định rõ vai trò

của Nhà nước trong việc: Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật, đánh giá rủi ro; Ban hành danh sách dữ liệu trọng yếu; Giám sát và cập nhật danh sách AI rủi ro cao.

- *Khung pháp lý trước đây*: Nhà nước mới chỉ điều chỉnh AI gián tiếp thông qua các luật về công nghệ số, dữ liệu, an toàn - chưa có cơ chế quản lý đồng bộ tập trung cho AI.

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

Để pháp luật thực sự trở thành động lực cho phát triển khoa học công nghệ, trong quá trình thực thi, cần xem xét để hoàn thiện hơn theo định hướng sau:

- Cần nghiên cứu xây dựng đạo luật hoặc khung pháp lý thống nhất về trí tuệ nhân tạo.

- Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về dữ liệu và bảo vệ quyền riêng tư trong môi trường số.

- Thiết lập cơ chế thử nghiệm pháp lý (regulatory sandbox) đối với công nghệ số và AI.

- Tăng cường hợp tác quốc tế và tiếp thu kinh nghiệm pháp luật tiên tiến.

- Lồng ghép các nguyên tắc đạo đức, trách nhiệm xã hội và quyền con người trong pháp luật về AI.

Tóm lại, pháp luật về trí tuệ nhân tạo và công nghệ số không chỉ đơn thuần là công cụ để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý, điều chỉnh các quan hệ xã hội mới phát sinh, mà còn giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc định hướng, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển khoa học – công nghệ trong kỷ nguyên số. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, trí tuệ nhân tạo và công nghệ số ngày càng trở thành nền tảng cốt lõi của tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc

gia. Do đó, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực này có ý nghĩa chiến lược đối với tiến trình phát triển dài hạn của đất nước.

Một khuôn khổ pháp luật đầy đủ, đồng bộ và minh bạch sẽ tạo hành lang pháp lý an toàn, ổn định cho hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và thương mại hóa các sản phẩm, dịch vụ dựa trên trí tuệ nhân tạo và công nghệ số. Pháp luật không chỉ có chức năng kiểm soát rủi ro, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và cá nhân, mà còn cần đóng vai trò “kiến tạo phát triển”, khuyến khích thử nghiệm, đổi mới sáng tạo và thu hút đầu tư trong các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn. Đồng thời, việc hoàn thiện pháp luật còn góp phần bảo đảm các giá trị cốt lõi như quyền con người, quyền riêng tư, an toàn dữ liệu, đạo đức công nghệ và trách nhiệm xã hội trong quá

trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

Bên cạnh đó, việc tiệm cận và hài hòa pháp luật quốc gia với các chuẩn mực, thông lệ và điều ước quốc tế về trí tuệ nhân tạo và công nghệ số sẽ giúp Việt Nam nâng cao năng lực hội nhập, mở rộng hợp tác quốc tế và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Đây cũng là cơ sở quan trọng để tăng cường năng lực tự chủ công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo bền vững.

Như vậy, hoàn thiện pháp luật về trí tuệ nhân tạo và công nghệ số sẽ tạo ra bước đột phá pháp lý mang tính nền tảng, góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển đất nước dựa trên tri thức, khoa học và công nghệ, từng bước đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, hiện đại và có vị thế vững chắc trong tương lai./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Luật Trí tuệ nhân tạo 2025
2. Luật Sở hữu trí tuệ (Sửa đổi) - Điều 7.5 liên quan tới AI
3. Luật Công nghệ số/Luật Ngành Công nghệ số
4. Các quy định pháp luật khác liên quan:

Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển AI thành công nghệ ưu tiên quốc gia; Chính sách dữ liệu, quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

5. Tài liệu Bộ Khoa học và Công nghệ – giới thiệu “4 trụ cột chính” của Luật AI
6. Bài về hoàn thiện khung pháp lý thúc đẩy hệ sinh thái AI tại Việt Nam (baomoi.com)